

Phụ lục I
DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG NỘI TRÚ
NĂM HỌC 2026-2027

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

1. Trường PTNT tiểu học và trung học cơ sở Pa Tần

TT	Khối lớp	Tổng số lớp	Học sinh			Số học sinh/ lớp
			Tổng số học sinh	Trong đó		
				Số học sinh nội trú	Số học sinh bán trú buổi trưa	
1	Khối lớp 1	2	70	55	15	35,0
2	Khối lớp 2	3	105	80	25	35,0
3	Khối lớp 3	4	121	81	40	30,3
4	Khối lớp 4	4	127	105	22	31,8
5	Khối lớp 5	4	132	111	21	33,0
6	Khối lớp 6	3	96	82	14	32,0
7	Khối lớp 7	4	158	135	23	39,5
8	Khối lớp 8	3	132	107	25	44,0
9	Khối lớp 9	3	109	93	16	36,3
	TỔNG	30	1050	849	201	35,0

2. Trường PTNT tiểu học và trung học cơ sở Bum Nưa

TT	Khối lớp	Tổng số lớp	Học sinh			Số học sinh/ lớp
			Tổng số học sinh	Trong đó		
				Số học sinh nội trú	Số học sinh bán trú buổi trưa	
1	Khối lớp 1	3	85	50	35	28,3
2	Khối lớp 2	3	98	68	30	32,7
3	Khối lớp 3	3	85	61	24	28,3
4	Khối lớp 4	3	100	100	0	33,3
5	Khối lớp 5	3	96	96	0	32,0
6	Khối lớp 6	4	150	150	0	37,5
7	Khối lớp 7	3	127	127	0	42,3
8	Khối lớp 8	4	131	131	0	32,8
9	Khối lớp 9	4	143	143	0	35,8
	TỔNG	30	1015	926	89	33,8

3. Trường PTNT tiểu học và trung học cơ sở Hua Bum

TT	Khối lớp	Tổng số lớp	Học sinh			Số học sinh/lớp
			Tổng số học sinh	Trong đó		
				Số học sinh nội trú	Số học sinh bán trú buổi trưa	
1	Khối lớp 1	3	65	46	19	21,7
2	Khối lớp 2	3	67	53	14	22,3
3	Khối lớp 3	2	53	36	17	26,5
4	Khối lớp 4	3	70	52	18	23,3
5	Khối lớp 5	2	61	43	18	30,5
6	Khối lớp 6	4	125	105	20	31,3
7	Khối lớp 7	4	125	95	30	31,3
8	Khối lớp 8	3	117	82	35	39,0
9	Khối lớp 9	3	113	95	18	37,7
	TỔNG	27	796	607	189	29,5

4. Trường PTNT tiểu học và trung học cơ sở Đào San

TT	Khối lớp	Tổng số lớp	Học sinh			Số học sinh/lớp
			Tổng số học sinh	Trong đó		
				Số học sinh nội trú	Số học sinh bán trú buổi trưa	
1	Khối lớp 1	2	70	0	70	35,0
2	Khối lớp 2	3	105	76	29	35,0
3	Khối lớp 3	3	105	105	0	35,0
4	Khối lớp 4	3	105	105	0	35,0
5	Khối lớp 5	5	175	175	0	35,0
6	Khối lớp 6	4	140	140	0	35,0
7	Khối lớp 7	4	140	140	0	35,0
8	Khối lớp 8	3	105	105	0	35,0
9	Khối lớp 9	3	105	105	0	35,0
	TỔNG	30	1050	951	99	35,0

5. Trường PTNT tiểu học và trung học cơ sở Phong Thổ

TT	Khối lớp	Tổng số lớp	Học sinh			Số học sinh/ lớp
			Tổng số học sinh	Trong đó		
				Số học sinh nội trú	Số học sinh bán trú buổi trưa	
1	Khối lớp 1	2	70	60	10	35,0
2	Khối lớp 2	2	70	60	10	35,0
3	Khối lớp 3	3	105	80	25	35,0
4	Khối lớp 4	3	105	80	25	35,0
5	Khối lớp 5	4	140	105	35	35,0
6	Khối lớp 6	4	140	105	35	35,0
7	Khối lớp 7	4	140	105	35	35,0
8	Khối lớp 8	4	140	105	35	35,0
9	Khối lớp 9	4	140	105	35	35,0
	TỔNG	30	1050	805	245	35,0

Phụ lục II
DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 1 CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC,
LỚP 6 CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2026-2027

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Xã	Trường	Tuyển sinh lớp 1		Tuyển sinh lớp 6	
			Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
1	Pa Tần	TH&THCS Pa Tần	4	57	3	106
		TH&THCS Nậm Ban	4	47	1	32
2	Bum Nưa	PTDTBT TH Bum Nưa	5	56		
3	Hua Bum	PTDTBT TH Vàng San	4	61		
4	Đào San	PTDTBT TH Đào San	6	174		
		PTDTBT TH Mù Sang	2	52		
		PTDTBT TH&THCS Tung Qua Lìn	2	61	2	62
		PTDTBT THCS Đào San			3	109
		PTDTBT THCS Mù Sang			2	70
5	Phong Thổ	Tiểu học Phong Thổ	4	113		
		Tiểu học Mừng So	4	89		
		PTDTBT TH Đoàn Kết	1	35		
		PTDTBT TH Huổi Luông	4	99		
		THCS Phong Thổ			3	115
		THCS Mừng So			3	93
		PTDTBT THCS Ma Li Pho			2	52
		PTDTBT THCS Huổi Luông			4	132
		TỔNG	40	844	23	771

Phụ lục III
DỰ KIẾN SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TH, THCS CÒN LẠI
NĂM HỌC 2026-2027

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

I. XÃ PA TÀN

TT	Trường	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh
1	Tiểu học và THCS Pa Tàn	1	4	57
		2	4	53
		3	3	76
		4	4	102
		5	3	86
		Tổng TH	18	374
		6	3	106
		7	3	102
		8	2	87
		9	2	62
		Tổng THCS	10	357
2	Tiểu học và THCS Nậm Ban	1	4	47
		2	3	50
		3	1	34
		4	1	22
		5	1	32
		Tổng TH	10	185
		6	1	32
		7	1	31
		8	1	33
		9	1	26
		Tổng THCS	4	122
Tổng toàn xã			42	1.038

II. XÃ BUM NỬA

TT	Trường	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh
1	PTDTBT tiểu học Bum Nửa	1	5	56
		2	5	59
		3	2	46
		4	2	51
		5	2	39
		Tổng	16	251

III. XÃ HUA BUM

TT	Trường	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh
1	PTDTBT tiểu học Vàng San	1	4	61
		2	4	66
		3	2	67
		4	2	52
		5	2	66
		Tổng	14	312

IV. XÃ DÀO SAN

TT	Trường	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh
1	Tiểu học Đào San	1	6	174
		2	5	138
		3	6	194
		4	3	77
		5	5	175
		Tổng	25	758
2	Tiểu học Mù Sang	1	2	52
		2	2	61
		3	2	48
		4	2	49
		5	2	71
		Tổng	10	281
3	Tiểu học và THCS Tung Qua Lìn	1	2	61
		2	2	43
		3	2	54
		4	2	43
		5	2	86
		Tổng TH	10	287
		6	2	62
		7	2	49
		8	2	69
		9	3	81
		Tổng THCS	9	261
4	THCS Đào San	6	3	109
		7	4	164
		8	2	122
		9	5	171
		Tổng	14	566
5	THCS Mù Sang	6	2	36
		7	2	64
		8	2	49
		9	2	69
		Tổng	8	218
Tổng toàn xã			76	2.371

V. XÃ PHONG THỔ

TT	Trường	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh
1	Tiểu học Phong Thổ	1	4	113
		2	3	95
		3	3	96
		4	4	124
		5	3	91
		Tổng	17	519
2	Tiểu học Mừng So	1	4	89
		2	4	104
		3	4	86
		4	4	103
		5	4	106
		Tổng	20	488
3	PTDTBT Tiểu học Huổi Luông	1	4	99
		2	4	107
		3	4	90
		4	5	146
		5	5	135
		Tổng	22	577
4	PTDTBT Tiểu học Đoàn Kết	1	2	35
		2	2	39
		3	2	54
		4	2	62
		5	3	73
		Tổng	11	263
5	THCS Phong Thổ	6	3	115
		7	3	117
		8	3	108
		9	3	104
		Tổng	12	444
6	THCS Mừng So	6	3	93
		7	3	99
		8	3	112
		9	3	100
		Tổng	12	404
6	PTDTBT THCS Huổi Luông	6	4	132
		7	4	161
		8	4	148
		9	3	127
		Tổng	15	568
6	PTDTBT THCS Ma Ly Pho	6	2	52
		7	2	65
		8	1	41
		9	2	59
		Tổng	7	217
Tổng toàn xã			116	3.480